TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/DS-ST
Ngày: 28/3/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử s ơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Hồng Hải
2. Bà Trần Nguyệt Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Nguyễn Thiên Kim – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5*:** Bà Trần Thị Hồng Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 211/2023/DSST ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Số B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Trường T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Số B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 3195/2023/UQ-TGĐ ngày 26/9/2023) (xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Võ Thị Thùy T1, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số D đường H, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP S theo đơn khởi kiện và tại phiên họp có người đại theo ủy quyền trình bày: Ngày 29/01/2018, bà Võ Thị Thùy T1 đã ký với Ngân hàng TMCP S chi nhánh S1 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà T1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng quốc tế Visa Ladies First với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Võ Thị Thùy T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 259.156.949 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 278.245.511 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Võ Thị Thùy T1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Võ Thị Thùy T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 01/12/2022, Ngân hàng TMCP S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 15/9/2023, bà T1 còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

Dư nợ gốc: 57.759.767 đồng.

Lãi quá hạn: 23.085.898 đồng.

Tổng cộng: 80.845.665 đồng (T2 mươi triệu tám trăm bốn mươi lăm ngàn sáu trăm sáu mươi lăm đồng).

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 57.759.767 đồng với lãi suất quá hạn là 4.155%/tháng (2.77% * 150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà T1, yêu cầu bà T1 có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn. Đồng thời, Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà T1 trả nợ. Tuy nhiên, bà T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Ngân hàng TMCP S đề nghị tòa án xem xét, giải quyết các yêu cầu sau:

1. Buộc bà Võ Thị Thùy T1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/9/2023 là 80.845.665 đồng (T2 mươi triệu tám trăm bốn mươi lăm ngàn sáu trăm sáu mươi lăm đồng), bao gồm dư nợ gốc: 57.759.767 đồng và lãi quá hạn: 23.085.898 đồng.

Ngoài ra, bà Võ Thị Thùy T1 còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay cho Ngân hàng theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

** Bị đơn – bà Võ Thị Thùy T1 theo Bản tự khai ngày 01/3/2024 trình bày:* Bà Võ Thị Thùy T1 có ký với Ngân Hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.77%/tháng (lãi suất trong hạn). Bà T1 đã sử dụng hết 50.000.000 đồng tiền gốc. Từ tháng 02/2018 đến năm 2022, do phát sinh lãi quá nhiều nên đến nay bà T1 không còn khả năng chi trả.

Từ tháng 02 năm 2018 đến năm 2022 hàng tháng bà T1 phải trả góp khoảng 2.500.000 đồng đến 3.500.000 đồng/tháng tiền gốc và lãi, số tiền này cao hơn số tiền gốc là 50.000.000 đồng do Ngân Hàng TMCP S cấp cho bà gấp 2 đến 3 lần. Nay bà T1 nhận được đơn khởi kiện từ phía Ngân hàng TMCP S buộc bà phải trả số tiền gốc và lãi là hơn 80 triệu đồng là quá lớn, bà T1 không thể chi trả được.

Bà Võ Thị Thùy T1 đề nghị phía Ngân Hàng TMCP S miễn tiền lãi, bà T1 chỉ có khả năng chi trả tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng được quy định tại Hợp đồng và sẽ trả góp hàng tháng là dưới 1.000.000 đồng với thời gian nhiều năm. Do cuộc sống hiện tại khó khăn và con còn nhỏ, bà không có khả năng chi trả nhiều hơn số tiền trả góp 1.000.000 đồng hàng tháng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Theo Bản tự khai ngày 28/3/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc và lãi (tính đến ngày 28/3/2024) tổng cộng là 96.422.655 đồng, trong đó nợ gốc là 57.759.767 đồng, nợ lãi quá hạn là 38.662.888 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án. Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà hai bên đã xác lập và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn, do đó đối với yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc 57.759.767 đồng; nợ lãi quá hạn 38.662.888 đồng do chậm thanh toán tính từ ngày 01/12/2022 cho đến khi vụ án được đưa ra xét xử là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ phát sinh từ quan hệ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng xác lập giữa tổ chức tín dụng và cá nhân nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn - bà Võ Thị Thùy T1 hiện đang cư trú tại Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân Quận 5 có thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự nêu trên.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt đối với đương sự:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về nội dung:

[3.1] Đối với yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc của nguyên đơn:

Nguyên đơn được phép hoạt động trong lĩnh vực tín dụng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0301103908 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp. Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được giao kết giữa hai bên có hình thức, nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 29/01/2018, được phê duyệt ngày 29/01/2018 đính kèm Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, tóm tắt sao kê, thông báo vi phạm Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, bảng chi tiết tính lãi mà nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án có cơ sở để xác định bị đơn đã được nguyên đơn đồng ý cấp thẻ tín dụng quốc tế Visa Ladies F. Hai bên thỏa thuận về lãi suất, phí, phương thức thanh toán theo những điều khoản quy định tại Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Quá trình sử dụng thẻ, bị đơn đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 259.156.949 đồng, tuy nhiên bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, không thanh toán cho nguyên đơn tiền gốc và lãi. Ngày 01/12/2022, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá

hạn theo quy định tại Điều 23 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của nguyên đơn.

Do vậy, xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay toàn bộ nợ gốc 57.759.767 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi phát sinh: Đối với yêu cầu trả tiền lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 28/3/2024) là: 38.662.888 đồng và buộc bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP S. Hội đồng xét xử xét thấy:

Điều 23 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của nguyên đơn quy định như sau *"Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán… Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn vị phát hành thẻ áp dụng lãi suất nợ quá hạn phù hợp với Điều 22 đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của đơn vị phát hành thẻ"*.

Điều 22 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của nguyên đơn quy định *"Đơn vị phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ"*.

Theo Thông báo về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Visa Ladies First mà nguyên đơn áp dụng từ ngày 15/8/2019 là 2.6%/tháng.

Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 quy định như sau: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*.

Căn cứ theo đề nghị và thu nhập của bị đơn, nguyên đơn đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bị đơn với hạn mức 50.000.000 đồng/tháng để tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.77%/tháng và có thể được điều chỉnh theo từng giai đoạn, lãi suất quá hạn 4.155%/ tháng.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và các thông báo về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng Visa Ladies First tại các thời kỳ xác định bị đơn trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn. Xét trong quá trình thanh toán nợ cho Ngân hàng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng TMCP S đã chuyển toàn bộ khoản nợ của bà Võ Thị Thùy T1 sang nợ quá hạn kể từ ngày 01/12/2022 là phù hợp. Vì vậy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi quá hạn tính từ ngày 01/12/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 28/3/2024 với tổng số tiền 38.662.888 đồng là có cơ sở chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày

01 tháng 01 năm 2011. Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 29/3/2024 theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho đến khi bị đơn trả hết nợ.

[4] Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự: Trong vụ án này, nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu ai cùng với bị đơn thực hiện nghĩa vụ dân sự. Đối chiếu quy định pháp luật cũng với những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định số tiền bị đơn đã sử dụng phục vụ nhu cầu cá nhân nên không buộc ai phải cùng có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ của bị đơn.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể buộc bị đơn – bà Võ Thị Thùy T1 phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S nợ gốc là 57.759.767 đồng và nợ lãi phát sinh tính đến ngày 28/3/2024 là 38.662.888 đồng, tổng cộng là 96.422.655 đồng (Chín mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn sáu trăm năm mươi lăm đồng).

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán theo quy định pháp luật; N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 37, 39, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S:

Buộc bà Võ Thị Thùy T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 28/3/2024 là 96.422.655 đồng (Chín mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng), bao gồm: nợ gốc là 57.759.767 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi chín ngàn bảy trăm sáu mươi bảy đồng); nợ lãi quá hạn là 38.662.888 đồng (Ba mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn tám trăm tám mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Võ Thị Thùy T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng đính kèm Bản Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S ngày 29/01/2018.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

Bà Võ Thị Thùy T1 phải chịu án phí là 4.821.133 đồng (Bốn triệu tám trăm hai mươi mốt ngàn một trăm ba mươi ba đồng).

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.021.142 đồng (Hai triệu không trăm hai mươi mốt ngàn một trăm bốn mươi hai đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0010926 ngày 01/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Bích Trâm